

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 302/2026/DS-PT
Ngày : 16/6/2026
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng; Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và bà Nguyễn Ngọc Giao.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 223/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2026/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực – An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Bảo K, sinh năm 1997; CCCD số 089097020837 – cấp ngày 10/2/2025; nơi đăng ký thường trú: Số B đường N, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số D đường Số B, Khu phố C, phường L, thành phố T (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Trương Công M, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số A đường P, khóm B, phường B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Công M: Ông Trương Thanh H, sinh năm 1971; CCCD số 089071019941 – cấp ngày 29/11/2024; nơi cư trú: Số A đường P, khóm B, phường B, tỉnh An Giang (có mặt).

3. **Người làm chứng:** Ông Trần Văn T, sinh năm 2006; nơi cư trú: Tỉnh lộ 835, cầu L, Ấp A, xã R, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trịnh Bảo K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai của ông Trịnh Bảo K trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Vào ngày 28/7/2022, ông K đã cho ông Trương Công M mượn không lãi suất số tiền 36.500.000 đồng trong đó: 34.500.000 đồng chuyển khoản và 2.000.000 đồng được giao bằng tiền mặt. Sau khi ông M trễ hẹn, ông K đã nhiều lần gặp ba mẹ, họ hàng ruột thịt cũng như bạn bè của ông M để nhờ liên hệ trả tiền nhưng ông M vẫn có ý định trốn tránh không trả tiền cho ông K. Ngày 12/3/2024, sau khi ông K đến ngân hàng H1 nơi ông M làm việc, ông M chuyển khoản trả lần đầu tiên là 500.000 đồng. Vào ngày 20/3/2024 và 17/4/2024, ông M gửi thêm 1.000.000 đồng mỗi lần. Kể từ đó đến khi ông K thuê luật sư, ông M không trả thêm khoản nào nữa.

Đến ngày 17/12/2024, ông K buộc phải thuê luật sư để hỗ trợ đòi nợ. Chi phí ông K thuê luật sư là 12.000.000 đồng. Chỉ sau khi luật sư liên hệ và làm việc thì ông M mới chủ động liên lạc lại và đồng thời thừa nhận trước đó đã cố tình không liên lạc với ông K.

Đến ngày 23/01/2025, ông M chuyển khoản cho ông K 33.000.000 đồng, đồng thời chặn số điện thoại và không trả lời tin nhắn nữa mặc dù vẫn còn thiếu 1.000.000 đồng trong khoản nợ gốc.

Ngày 05/3/2025, ông K tiếp tục phải lên đến ngân hàng H1 nơi ông M làm việc và yêu cầu gặp lãnh đạo, ông M mới thừa nhận biết còn thiếu 1.000.000 đồng nợ gốc và chuyển khoản trả cho ông K.

Như vậy, tính đến ngày 05/3/2025, ông M đã trả đủ số tiền gốc vay là 36.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông M vẫn chưa thanh toán các khoản chi phí phát sinh do hành vi chậm trả và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của mình, bao gồm chi phí thuê luật sư là chi phí hợp lý và cần thiết để đòi lại được nợ, lãi chậm trả và các chi phí khác.

Ông Trịnh Bảo K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau: Buộc ông Trương Công M trả lại toàn bộ chi phí thuê luật sư mà ông K đã phải bỏ ra để đòi lại khoản nợ do hành vi trốn tránh của ông M là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Trả tiền lãi nợ quá hạn trên số tiền gốc 36.500.000 đồng, với lãi suất 10%/năm khi các bên chưa có thỏa thuận lãi suất chậm trả được tính theo từng giai đoạn với tổng số ngày quá hạn là 888 ngày, tổng tiền lãi qua từng giai đoạn là 8.276.164 đồng. Buộc ông Trương Công M trả chi phí đi lại phục vụ cho quá trình đòi nợ là 1.140.000 đồng, tương ứng 3 lần đi và về từ B ở Quận B đến thành phố L bằng xe khách. Đây là thiệt hại thực tế phát sinh do hành vi vi phạm thỏa thuận, cũng như do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng của ông M. Tổng số tiền yêu cầu ông M thanh toán là 21.416.164 đồng.

Bị đơn do ông Trương Thanh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 22/12/2024, có mặt ông K và ông T thì ông K thống nhất ông M

còn nợ 32.000.000 đồng. Ông K thống nhất cho ông M trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết, việc thỏa thuận này là thỏa thuận miệng trong đó không có thỏa thuận các chi phát phát sinh khác như phí luật sư. Đến ngày 26/12/2024, ông K cho biết phát sinh thêm 2.000.000 đồng ông K chốt nợ tổng số là 36.500.000 đồng và yêu cầu thanh toán trước tết âm lịch 2025. Ông M đã trả lần 1 được 2.500.000 đồng (từ ngày 12/3/2024; 21/3/2024 và 17/4/2024); trả lần 2 là 33.000.000 đồng vào ngày 23/01/2025 và 1.000.000 đồng vào ngày 05/3/2025. Do đó ông M không có vi phạm thỏa thuận với ông K nên không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

- *Tại bản tự khai ngày 18/01/2026, người làm chứng ông Trần Văn T trình bày:* Ngày 22/12/2024, ông T có đi cùng ông Trương Công M để gặp ông Trịnh Bảo K tại một quán nước trên đường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T có mặt trong suốt quá trình ông M và ông K trao đổi với nhau và trực tiếp nghe được nội dung trao đổi liên quan đến vấn đề tiền nợ giữa hai bên. Trong buổi gặp, ông T nghe ông K và ông M trao đổi về số tiền nợ còn lại, nội dung trao đổi đó, tôi nghe ông M nói số tiền còn lại là 32.000.000 đồng và ông K không có ý kiến phản đối đối với con số này trong buổi làm việc hôm đó. Về việc thanh toán, ông K hỏi ông M về thời điểm và cách thức trả nợ. Ông M trình bày phương án mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, bắt đầu việc trả nợ sau tết, ông K đồng ý với cách thức thanh toán nêu trên. Trong suốt quá trình trao đổi giữa hai bên, ông T không nghe ông K đề cập hoặc yêu cầu ông M phải trả thêm các khoản tiền khác như tiền lãi, lãi do chậm thanh toán, chi phí luật sư hoặc chi phí đi lại. Do điều kiện công tác nên xin vắng mặt tất cả các phiên xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2026/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực – An Giang:

Căn cứ khoản 3, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 168; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 360, 361, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:*

+ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Bảo K buộc ông Trần Công M1 phải trả số tiền 21.416.164 đồng. Trong đó, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là: 8.276.164 đồng; chi phí đi lại đòi nợ là 1.140.000 đồng; chi phí thuê luật sư là 12.000.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Bảo K phải chịu 1.070.808 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 525.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004639 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (Phòng Thi hành án khu vực 9 – An Giang). Ông Trịnh Bảo K còn phải nộp thêm 545.808 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/3/2026 nguyên đơn ông Trịnh Bảo K có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Ông Trịnh Bảo K và ông Trương Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trương Công M đã thống nhất, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, bị đơn đồng ý trả thêm cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Bảo K. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2026/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ông Trịnh Bảo K kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về thủ tục ủy quyền: Bị đơn ông Trương Công M ủy quyền cho ông Trương Thanh H theo Giấy ủy quyền ngày 13/11/2025 do Phòng C An Giang chứng nhận số công chứng 1691/2025/CCGD. Hội đồng xét xử xét thấy thủ tục ủy quyền trên phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Bảo K và ông Trương Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trương Công M đã tự nguyện

thống nhất, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận này không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận về việc bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn chi phí luật sư, tiền lãi nợ quá hạn và chi phí đi lại với tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Dân sự sơ thẩm: Bị đơn, nguyên đơn – mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí theo quy định ($5\% \times 10.000.000$ đồng) với số tiền là 250.000 đồng.

Dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 296, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Bảo K.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2026/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực – An Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 360, Điều 361, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Ông Trần Công M1 có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Bảo K chi phí luật sư, tiền lãi nợ quá hạn và chi phí đi lại với tổng số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Bảo K phải chịu 250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 525.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004639 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (Phòng Thi hành án khu vực 9 – An Giang). Ông Trịnh Bảo K được nhận lại 275.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông Trần Công M1 phải chịu 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Bảo K được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 000717 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án DS khu vực-An Giang;
- Tòa án nhân dân khu vực-An Giang;
- Phòng KTNV & THA;
- Đương sự “Đề thi hành”;
- Văn phòng; Tòa Dân sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng